

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 374 HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 374 HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 374 HA NOI INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 374 HA NOI INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107438244

3. Ngày thành lập: 18/05/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô 22, TT1 Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979717068

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
2.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
3.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
6.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
7.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
8.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
9.	Khai thác và thu gom than non	0520
10.	Khai thác dầu thô	0610
11.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
12.	Khai thác quặng sắt	0710
13.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
14.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
15.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
16.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
17.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
18.	Khai thác muối	0893
19.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất	0899
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990

22.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản - Chế biến và đóng hộp thủy sản	1020
23.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
24.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
26.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
27.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
28.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
29.	In ấn	1811
30.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
31.	Sao chép bản ghi các loại - Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc;	1820
32.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
33.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Hoạt động hậu kỳ	5912
37.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
38.	Hoạt động chiếu phim	5914
39.	Lập trình máy vi tính	6201
40.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6329
41.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320(Chính)
43.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
44.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
45.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
46.	Thu gom rác thải độc hại	3812
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
49.	Tái chế phế liệu	3830
50.	Xây dựng nhà các loại	4100
51.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
52.	Xây dựng công trình công ích	4220
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
54.	Phá dỡ	4311
55.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
61.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác - Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4511
62.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
63.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
64.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
65.	Bán mô tô, xe máy	4541
66.	Đại lý, môi giới, đấu giá - Đại lý	4610
67.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
68.	Bán buôn thực phẩm - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, - Bán buôn thủy sản	4632
69.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
70.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
74.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
75.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933
77.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
78.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Dạy máy tính. - Dạy đọc nhanh;	8559
79.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
81.	Quảng cáo	7310
82.	Cho thuê xe có động cơ - Cho thuê xe có động cơ khác	7710

83.	Đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	---	--

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VÕ THỊ THUY	Khối 4, Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Tổng số	495.000	4.950.000.000	55,000	186018832	
			Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	55,000		
2	BÙI KHẮC PHÚ	Xóm 5, Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	186381446	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		
3	NGUYỄN THỊ NGÀ	Khối 3, Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	25,000	186722592	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI KHẮC PHÚ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *06/03/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *186381446*

Ngày cấp: *27/04/2011*

Nơi cấp: *Công an Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 5, Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 5, Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội